**BÀI TẬP HÓA HỌC 12 TUẦN TỪ 13-18/4/2020**

**ĐỀ 1**

**Câu 1**: Quặng nào sau đây có hàm lượng Fe cao nhất.

A.Hematit đỏ C. Manhetit B. Pirit. D. Xiderit

**Câu 2**: Phản ứng hoá học chứng minh hợp chất Fe(II) có tính khử là:

A. FeCl2 + 2NaOH → Fe(OH)2 + 2NaCl

B. Fe(OH)2 + 2HCl → FeCl2 + 2H2O.

C. 3FeO + 10HNO3 → 3Fe(NO3)3 + 5H2O + NO

D. FeO + CO  Fe + CO2.

**Câu 3**: Cho các oxit: (1) FeO (2) Fe2O3 (3). Fe3O4

vào dung dịch HNO3 đặc nóng thu được dung dịch X và không thấy có khí thoát ra. Oxit đó là:

 A. (1). B. (2) C. (3). D.(1), (2), (3).

**Câu 4:** Phản ứng nào chứng minh hợp chất Fe(III) có tính oxi hóa:

A. Fe2O3 + 6HCl → 2 FeCl3 + 3 H2O.

B. FeCl3 + 3 AgNO3 → Fe(NO3)3 + 3AgCl.

C. Fe2O3 + 6 HNO3 → 2Fe(NO3)3 + 3 H2O.

D. không có phản ứng nào.

**Câu 5:** Thành phần nào của cơ thể người có nhiều Fe nhất ?

 **A.** Tóc. **B.** Xương. **C.** Máu. **D.** Da.

**Câu 6:** Tên của các quặng chứa FeCO3, Fe2O3, Fe3O4, FeS2 lần lượt là gì ?

 **A.** Hemantit, pirit, manhetit, xiđerit. **B.** Xiđerit, hemantit, manhetit, pirit.

 **C.** Xiđerit, manhetit, pirit, hemantit. **D.** Pirit, hemantit, manhetit, xiđerit.

**Câu 7:** Cho đinh sắt vào dung dịch X, khi phản ứng kết thúc thấy khối lượng của chất rắn tăng so với ban đầu. X là dung dịch nào sau đây:

A. CuCl2 B. NiSO4 C. AgNO3 D. A,B,C đều đúng.

**Câu 8:** Cho 11,2g Fe chi thành 2 phần bằng nhau:

Phần 1: Đốt nóng trong khí Clo dư.

 Phần 2: Cho tan trong dung dịch HCl dư.

Khối lượng muối sắt clorua trong thí nghiệm thu được:

A. Ở phần 1 lớn hơn B. Ở Phần 2 lớn hơn

C. Ở 2 phần bằng nhau. D. Không xác định được.

**Câu 9:** Trong số các hợp chất FeO, Fe3O4, FeS2, FeS, FeSO4, Fe2(SO4)3.

 Chất có tỉ lệ khối lượng Fe lớn nhất và nhỏ nhất là:

A. FeS, FeSO4. B. Fe3O4, FeS2. C. FeSO4, Fe3O4. D. FeO, Fe2(SO4)3.

**Câu 10**: Phản ứng hóa học nào sau đây là phản ứng oxi hóa khử:

(1) FeS + 2HCl → FeCl2 + H2S. (3) 2 FeCl3 + Fe → 3 FeCl2.

(2) Fe + 2 HCl → FeCl2 + H2↑. (4) 2 Fe + 3 Cl2→ 2 FeCl3.

 A. (1). B. (1), (2), (3). C. (2), (3). D.(2), (3), (4).

**Câu 11:** Chất nào sau đây có thể nhận biết được 3 kim loại sau: Al, Fe, Cu:

**A.** H2O **B.** dd NaOH **C.** dd HCl **D.** dd FeCl3.

**Câu 12**: Phản ứng với chất nào sau đây chứng tỏ FeO là oxit bazơ?

**A.** H2 **B.** HCl **C.** HNO3 **D.** H2SO4 đặc.

**Câu 13**: Khi hoà tan hỗn hợp hai kim loại Cu và Fe vào dung dịch HN­O3 loãng thì thu được khí không màu N2 và dung dịch A có màu xanh, còn một phần kim loại không tan. Vậy dung dịch A gồm cation:

 A. Fe3+ và Cu2+ B. Fe2+, Fe3+, Cu2+. C. Fe3+, Fe2+ D. Fe2+, Cu2+.

**Câu 14:** Trong phòng thí nghiệm để bảo quản muối Fe2+ người ta thường :

**A.** Ngâm vào đó một đinh sắt. **B.** Cho vào đó một vài giọt dung dịch HCl.

**C.** Mở nắp lọ đựng dung dịch. **D.** Cho vào đó vài giọt dung dịch H2SO4 loãng.

**Câu 15:** Hoà tan hoàn toàn hỗn hợp FeS và FeCO3 bằng một lượng dung dịch H2SO4 đặc nóng thu được hỗn hợp gồm hai khí X ,Y. Công thức hoá học của X, Y lần lượt là :

**A.** H2S và SO2. **B.** H2S và CO2. **C.** SO2 và CO. **D.** SO2 và CO2.

**Câu 16:** Cho các chất sau: Fe, FeO, Fe2O3, Fe3O4, Fe(NO3)3, FeS2, FeCO3, Fe(OH)2, Fe(OH)3, Fe(NO3)2 lần lượt tác dụng với dd HNO3 loãng. tổng số phương trình phản ứng oxi hóa- khử là:

**A.** 6 **B.** 7 **C.** 8 **D.** 9.

**Câu 17**: Cho 0.1 mol FeO tác dụng với dung dịch chứa HNO3 dư. Cô cạn dung dịch thu được bao nhiêu gam muối khan.

A. 24.2 gam. B. 8 gam C. 18 gam. D. 16 gam.

**Câu 18:** Để khử hoàn toàn 17,6 gam hỗn hợp rắn gồm Fe, FeO, Fe3O4 và Fe2O3 cần vừa đủ 2,24 lít CO (đktc). Khối lượng Fe thu được là :

 A. 14 gam B. 15 gam C. 16 gam D. 18 gam

**Câu 19:** Cho 1 gam bột Fe tiếp xúc với oxi một thời gian thu được 1,24 gam hỗn hợp Fe2O3 và Fe dư. Lượng sắt dư là :

**A.** 0,036 gam. **B.** 0,44 gam. **C.** 0,132 gam. **D.** 1,62 gam.

**Câu 20:** Cho hỗn hợp gồm FeO, CuO, Fe3O­4 có số mol 3 chất đều bằng nhau tác dụng hết với dung dịch HNO3 thu được hỗn hợp khí gồm 0,09 mol NO2 và 0,05 mol NO. Số mol của mỗi chất là:

**A.** 0,36. **B.** 0,24. **C.** 0,12. **D.** 0,21.